

Công tác điều tra cơ bản KTTV ở Hoàng Liên Sơn 5 năm (1986 -1990) và một số nhiệm vụ chính thời kỳ 1991 - 1995

KS. TRẦN VĂN SÁP

Giám đốc Đài KTTV Hoàng Liên Sơn

Trong thời gian thực hiện kế hoạch 5 năm 1986-1990, Đài Hoàng Liên Sơn đã được tặng cờ thi đua xuất sắc của ngành (1987) và cờ thưởng luân lưu của Hội đồng Bộ trưởng trong ba năm liên tục (1988, 1989 và 1990). Mặc dù vẫn còn những thiếu sót tồn tại nhất định song kết quả công tác điều tra cơ bản (ĐTCB) là yếu tố quan trọng nhất trong thành tích chung của Đài. Dưới đây, xin điểm lại một số kết quả chủ yếu của công tác này ở HLS trong 5 năm qua.

I - THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐTCB Ở HLS TRONG NĂM ĐẦU CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM 1986 - 1990

Qua lần chuyển tinh và chống chiến tranh xâm lược (1979) rồi tiếp theo là trên hỏa hoạn lớn đã gây cho Đài những tổn thất nặng nề không thể khắc phục xong trong kế hoạch 5 năm 1981 - 1985. Vì vậy vào năm đầu kế hoạch mới, mạng lưới trạm KTTV nói chung và công tác ĐTCB nói riêng ở HLS nằm trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng. Có thể nói hầu hết công trình đo đạc, cả KT và TV đều già cỗi, hư hỏng nặng chưa được sửa chữa. Trong đó có 24 % số công trình già cỗi, hư hỏng nặng; 16 % công trình tạm; 61 % nhà trạm hư hỏng, đổ nát hoặc tạm bợ; 36 % số máy móc, thiết bị quá niên hạn kiểm định, hoạt động kém; 22 % các loại máy thiếu so với nhu cầu đo đạc và thay thế; chỉ có khoảng 40 % máy móc hoạt động tương đối tốt.

Mạng lưới trạm năm 1986 gồm : 8 trạm KT và 11 trạm TV (trong đó có 7 trạm đo lưu lượng, 21 điểm điều tra dòng chảy kiệt và 38 điểm đo mưa nhân dân, trong đó có 10 điểm hoạt động không đều, có điểm chỉ có 1 - 2 tháng số liệu trong năm, 2 điểm bỏ không hoạt động).

Việc duy trì công tác ĐTCB trong năm 1986 còn gặp một trở ngại lớn là nguồn kinh phí đầu tư cho công tác này rất hạn hẹp, chỉ chiếm khoảng 40 % so với những năm trước đó. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng mạng lưới đo mưa hoạt động không đều và bỏ việc là thù lao quá thấp và chậm.

Chất lượng tài liệu nói chung được đánh giá vào loại khá nhưng một số hạng mục vẫn chưa bảo đảm số lượng và chất lượng như: đo mưa bằng máy tự ghi, đo độ dốc mực nước và đo lưu lượng bằng phương pháp đơn giản... Tình trạng giao nộp tài liệu chậm là phổ biến.

II- CÙNG CỐ CÔNG TÁC ĐTCB TRONG 5 NĂM 1986-1990

1. Mục tiêu: Tổng kết công tác năm 1986, Đài HLS và phân tích kỹ và đánh giá đúng thực trạng công tác ĐTCB của Đài. Vì vậy, trong 4 mục tiêu công tác của năm 1987, Đài đã nêu lên 2 mục tiêu về công tác ĐTCB là:

a) Giữ vững hoạt động đều đặn và liên tục của mạng lưới trạm KTTV và KTNN, đảm bảo dung lượng và chất lượng ĐTCB từ loại khá đến ưu, góp phần thực hiện chương trình "Đảm bảo dung lượng và chất lượng ĐTCB KTTV" của Tổng cục.

b) Từng bước củng cố xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của mạng lưới trạm như nhà ở, công trình đo, vườn máy và thiết bị chuyên dùng, vật tư tối thiểu để đảm bảo dung lượng và chất lượng ĐTCB.

2. Củng cố công trình đo, vườn máy, thiết bị chuyên dùng

Phấn đấu theo hướng kiên cố hóa công trình đo, bảo đảm thuận tiện, an toàn, đúng quy phạm và phù hợp với điều kiện miền núi, 5 năm qua Đài đã:

- Đóng mới và trang bị lại 2 thuyên đo TV bằng sắt, loại 7 tấn cho 2 trạm cấp 1 là Yên Bai và Bảo Yên.

- Xây dựng công trình cáp nối trạm TV Ngòi Hút để đưa 4/4 trạm TV cấp 2 đều đo bằng nôi kiên cố.

- Xây mới toàn bộ tuyến đo của trạm TV Bản Cảng; sửa và mở rộng tuyến đo H, do I_1, I_2 của 5 trạm khác để bảo đảm 10/11 trạm TV có tuyến đo kiên cố, ổn định, quan trắc viên di lại thuận tiện, an toàn.

- Sửa sang lại, kể cả xây dựng hàng rào sắt, cho 5 trạm KT, thay lại 15 lều máy (một bộ liên hợp) cho toàn bộ 8 trạm KT của toàn mạng lưới.

- Lắp đặt 5 vũ lượng ký mới, phục hồi 2 bộ cũ để bảo đảm 7/8 trạm có máy đo mưa tự ghi và hoạt động liên tục đều đặn.

- Lắp đặt 2 khí áp biểu thủy ngân mới cho các trạm Yên Bai và Bảo Yên nâng số trạm có khí áp biểu ở HLS lên 4/8 trạm.

- Các loại máy thông dụng khác, kể cả lưu tốc kế, các loại máy tự ghi dù cho các trạm hoạt động. Tuy vậy, do không chủ động về vật tư nên tình trạng máy dự trữ hầu như không có, đặc biệt là ẩm ký, lưu tốc kế, các loại nhiệt biểu đo cực trị... nên đôi khi vẫn còn tình trạng mất số liệu trong thời gian ngắn.

- Song song với việc củng cố công trình, vườn máy và thiết bị đo đạc, Đài cũng đã trang bị lại toàn bộ đồng hồ báo thức, đồng hồ bấm giây, đèn pin mới và 45 máy tính bỏ túi cho tất cả 19 trạm KTTV và cán bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất công tác và độ chính xác tính toán.

3. Củng cố nhà trạm

"Nhà trạm là nơi làm việc, bố trí các máy khí áp biểu thủy ngân, thông tin, đo gió tự ghi... là nơi sau khi quan trắc ở công trình chuyên môn, quan trắc viên tiến hành các công việc nội nghiệp" (Dự án chương trình đồng bộ có mục tiêu -Tổng cục KTTV 1-1987). Do vậy nhà trạm phải được coi như một hạng mục công trình chuyên môn. Từ nhận thức trên, trong 5 năm qua, Đài đã chủ trương kiên cố hóa nhà trạm, đảm bảo CL CBNVC yên tâm với điều kiện ăn ở và làm việc ở những nơi hết sức khó khăn, gian khổ, thiếu thốn và thiệt thòi về nhiều mặt ở các trạm KTTV miền núi.

Bằng nhiều nguồn vốn, trong 5 năm, Đài đã xây dựng mới 7 trạm KTTV với tổng diện tích xây dựng 679 m²; sửa chữa, nâng cấp cho 4 trạm khác với tổng diện tích 585 m² (trong đó riêng khu vực Đài vật lý địa cầu Sapa là 280 m²).

Điều đáng nói là trong số các trạm đã xây dựng và sửa chữa có 5/7 trạm xây dựng mới với tổng diện tích 399 m² và 2/4 trạm sửa chữa với diện tích 250 m² là do Đài tự cân đối trong tổng số kinh phí mà Tổng cục đầu tư cho Đài hàng năm và nguồn kinh phí do thanh lý tài sản (ca-nô) năm 1986. Nhà trạm TV Bản Củng (nhà cấp 3, mái bằng, diện tích 65 m²) ở các huyện lỵ Than Uyên 25 km với phương tiện vận chuyển là ngựa và người thồ đã xây dựng năm 1989 là một kỳ công của CBCNVC Đài Hoàng Liên Sơn (Tập san KTTV số 6-1990)

4. Vấn đề bồi dưỡng, củng cố đội ngũ quan trắc viên và cán bộ kỹ thuật

Vấn đề con người trong công tác DTCB không phải là lý thuyết mà là một vấn đề rất thực tế và có ý nghĩa quyết định đến dung lượng và chất lượng DTCB. Để đội ngũ quan trắc viên yên tâm công tác, Đài cố gắng phấn đấu theo các hướng sau:

- Tạo một đội ngũ quan trắc hiện là con em các dân tộc hoặc gia đình đã định cư lâu ở HLS, tạo điều kiện thuận lợi để họ (kể cả gia đình) ở khu tập thể của trạm hoặc có đất làm nhà riêng ngay cạnh trạm. Do đó quan trắc viên gắn bó với trạm lâu dài, bảo vệ được công trình chuyên môn, có kinh nghiệm quan trắc tại cơ sở. Chính vì vậy, đến nay ở HLS có 73 quan trắc viên công tác ở 19 trạm KTTV song chỉ có 1 công nhân xin chuyển về thị xã để hợp lý hóa gia đình, còn lại đều yên tâm công tác ở trạm, không có ai xin về xuôi, chuyển vùng.

- Tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn cho quan trắc viên yếu kém dưới nhiều hình thức khác nhau: tập trung tại Đài thành lớp, mỗi từng quan sát viên về thực hành trong phòng QLKT hoặc cử cán bộ kỹ thuật đến tận trạm bồi dưỡng tại chỗ để 100% quan trắc viên có điều kiện theo học.

Thanh toán kịp thời, đầy đủ, sòng phẳng các loại chế độ bồi dưỡng, phụ cấp, lương, thưởng hàng tháng.

- Tùy từng thời gian, từng trạm có thể tổ chức khoán một phần công việc để anh chị em vừa có điều kiện tăng thêm thu nhập, vừa làm tốt công tác của mình.

- Củng cố bằng được đội ngũ kiểm soát viên và cán bộ kĩ thuật KTTV giỏi chuyên môn, tận tụy với nghề nghiệp và có sức khỏe tốt để công tác ở miền núi. Đội ngũ này có thể bố trí "thừa" so với chỉ tiêu biên chế, song dứt khoát phải đủ mạnh vì là khâu quyết định cuối cùng về chất lượng công tác DTCB của Đài.

5. Một số kết quả công tác DTCB

+ Dung lượng: Một Đài có mạng lưới trạm rộng và phức tạp như HLS, phấn đấu giao nộp 100% tài liệu đúng thời gian qui định là một việc làm khó và đòi hỏi phải cố gắng quyết tâm rất lớn. Mặc dù vậy trong 4 năm liên tục, từ 1987 -1990, Đài đều giao nộp 100% tài liệu KT trước 25 - XII. Riêng năm 1986 chậm 8 cuốn.

Tài liệu chỉnh biên TV nộp trước 15 - IV hàng năm

Tài liệu đo mưa cả 5 năm trung bình đạt 91-93%

† Chất lượng: Chất lượng các hạng mục ĐTCB được trình bày trong bảng dưới đây(%)

Năm	Khí tượng	So với KH	KTNN	So với kế hoạch	Thủy văn
1986	98,2	+3,2	97,6	+2,6	khá
1987	98,6	+3,6	93,9	-1,1	tốt
1988	98,8	+3,8	98,1	+3,1	tốt
1989	99,4	+4,4	93,9	-1,1	khá
1990	99,4	+4,4	100	+5,0	khá
TB	98,9	+3,9	96,7	+1,7	-

Mạng lưới trạm: Cho đến cuối kế hoạch năm nǎm vẫn duy trì hoạt động tốt. Riêng các điểm đo mưa đã khôi phục lại 2 điểm ngừng hoạt động từ năm 1988 và chấn chỉnh hoạt động không đều của 10 điểm khác. Cho đến nay mạng lưới trạm ở HLS có 11 trạm thủy văn (6 trạm đo lưu lượng), 8 trạm KT (trong đó có 4 trạm khí hậu), 2 trạm KHNN cơ bản, 21 điểm điều tra kiệt và 34 điểm đo mưa nhân dân.

III- MỘT SỐ NHIỆM VỤ LỚN VỀ ĐTCB Ở HLS TRONG KẾ HOẠCH 5 NĂM 1991-1995

Hai năm 1991-1992 của kế hoạch 1991-1995 là giai đoạn III của chương trình "Đảm bảo dung lượng và chất lượng ĐTCB KTTV" trong đó có mục tiêu số 1 là "xây dựng kiên cố các trạm chưa hoàn chỉnh còn lại trong mạng lưới" có liên quan trực tiếp và là nhiệm vụ của các Đài KTTV địa phương.

Căn cứ vào chương trình mục tiêu trên và tình hình thực tế của địa phương, trong kế hoạch 5 năm tới, Đài dự kiến:

1. Củng cố vững chắc mạng lưới trạm KTTV cả về công trình chuyên môn và nhà trạm. Để thực hiện được mục tiêu này, Đài cần phải:

- Sửa chữa và nâng cấp 4 trạm để đảm 100% trạm có công trình kiên cố (bao gồm các công trình dưới đây).

- Xin di chuyển trạm TV Lao Cai về vị trí cũ trước 1979 để nâng cấp thành trạm cấp I theo quyết định của Tổng cục.

- Xin di chuyển trạm KT Lục Yên về vị trí thuận lợi để đáp ứng nhu cầu phục vụ địa phương và bảo đảm đời sống CBCNV.

- Xin rời xuống thấp trạm KT Mù Cang Chải.
- Nghiên cứu khôi phục lại trạm KT Mường Khương đã bị phá hủy trong cuộc chống chiến tranh xâm lược (1979).

Làm được những việc trên, từ năm 1993, Đài sẽ có 100% công trình chuyên môn và nhà trạm kiên cố, khang trang và có thể yên tâm trong vòng 15-20 năm không phải xây dựng mới.

2. Song song với việc cung cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, ngay từ năm 1991, Đài tập trung mọi cố gắng vào việc khôi phục nề nếp, kỉ cương công tác, biểu hiện trước hết ở việc thực hiện qui trình quy phạm, xây dựng phòng làm việc ở tất cả các trạm theo một mẫu thiết kế, xây dựng ý thức chấp hành kỷ luật giao nộp tài liệu chuyên môn và thông tin hai chiều, nhằm mục đích ổn định và nâng cao chất lượng gốc ở cơ sở trạm.

3. Trên cơ sở hợp đồng với các Công ty vật tư cũng như với sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng của Tổng cục, cố gắng đáp ứng đầy đủ máy móc, vật tư chuyên dùng để bảo đảm quan trắc đủ hạng mục theo kế hoạch hàng năm của Tổng cục; đồng thời dần dần đưa kĩ thuật mới về máy đo, máy thông tin, máy vi tính vào công tác ĐTCB để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác cũng như góp phần hiện đại hóa ngành theo chủ trương của Tổng cục.

Chấp hành nghiêm chỉnh kế hoạch "luân phiên bồi dưỡng và bồi dưỡng lại đội ngũ cán bộ và quan trắc viên làm công tác ĐTCB KTTV" theo kế hoạch cụ thể của giai đoạn III chương trình đảm bảo dung lượng và chất lượng ĐTCB.

V- KẾT LUẬN

Những kết quả công tác ĐTCB 5 năm 1986-1990 của Đài HLS còn khiêm tốn và còn phải phấn đấu rất nhiều trong kế hoạch 5 năm tới, song trong bối cảnh của những năm cuối thập kỷ 80, đạt được những kết quả trên cũng là một sự phấn đấu gian khổ, kiên trì của tập thể CBCNVC toàn Đài. Vào thời điểm này, có thể mạn lạm định khẳng định tình trạng xuống cấp trong công tác ĐTCB của Đài đã được ngăn chặn.

Điều có ý nghĩa quyết định là kinh phí của Tổng cục đầu tư cho công tác ĐTCB trong những năm gần đây, đặc biệt từ năm 1989 -1990 đã có chuyển biến rõ rệt đáng phấn khởi. Nếu như cấp trên có những chủ trương, chính sách cải mỏ hơn về chế độ lao động, tiền lương, chắc chắn tiềm năng của đội ngũ quan trắc viên và cán bộ kĩ thuật làm công tác ĐTCB sẽ còn động viên tốt hơn và như vậy, công tác ĐTCB sẽ còn có những kết quả tốt hơn.

Nhân đây, cũng không thể không nhắc đến công lao của đ/c cố Giám đốc Nguyễn Đức Thịnh, người đã có cống hiến và có tầm suy nghĩ chiến lược, giúp cho công tác ĐTCB ở HLS đạt được mục tiêu và những kết quả nhất định.